

BẢN TIN DỰ BÁO THỦY VĂN HẠN NGẮN CÁC SÔNG, KÊNH, RẠCH TỈNH AN GIANG

1. Diễn biến xu thế mực nước:

- Đầu nguồn sông Cửu Long và vùng hạ lưu sông: Mực nước cao nhất và thấp nhất ngày tại các trạm có khả năng tiếp tục lên trong 3-4 ngày tới, những ngày sau xuống chậm.
- Nội đồng TGLX: Mực nước trên các kênh, rạch trong khu vực tiếp tục lên chậm trong những ngày tới.

2. Bảng số liệu dự báo từ ngày 09/10 đến 13/10/2022

STT	Trạm	sông, kênh, rạch	Cấp báo động (m)			Đặc trưng	Mực nước thực đo (m)			Mực nước dự báo (m)				
			BĐ I	BĐ II	BĐ III		08/10	So với cùng kỳ 2021	So với TBNN	09/10	10/10	11/10	12/10	13/10
1	Tân Châu	Tiền	3.50	4.00	4.50	Max	3.51	1.94	3.33	3.58	3.61	3.63	3.65	3.62
						Min	3.16	1.01	3.16	3.25	3.28	3.31	3.30	3.27
2	Chợ Mới	Ông Chường	2.00	2.50	3.00	Max	2.88	1.79	2.23	2.95	2.98	3.00	3.02	2.98
						Min	2.11	0.53	1.81	2.23	2.27	2.30	2.28	2.25
3	Khánh An	Hậu	4.20	4.70	5.20	Max	4.48	2.31	3.92	4.52	4.55	4.57	4.59	4.56
						Min	4.43	1.94	3.92	4.48	4.51	4.53	4.52	4.49
4	Châu Đốc	Hậu	3.00	3.50	4.00	Max	3.16	1.98	2.87	3.20	3.23	3.25	3.27	3.24
						Min	2.75	0.79	2.66	2.85	2.88	2.91	2.89	2.86
5	Long Xuyên	Hậu	1.90	2.20	2.50	Max	2.66	1.88	1.87	2.67	2.70	2.73	2.75	2.71
						Min	1.53	0.33	1.11	1.67	1.72	1.75	1.73	1.70
6	Vàm Nao	Vàm Nao	2.50	2.90	3.30	Max	2.95	1.89	2.39	3.03	3.06	3.08	3.10	3.07
						Min	2.26	0.64	2.02	2.38	2.42	2.45	2.43	2.40
7	Xuân Tô	Vĩnh Tế	3.00	3.50	4.00	Max	2.92	0.59	2.55	2.98	3.02	3.05	3.08	3.10
						Min	2.87	0.52	2.51	2.94	2.97	3.00	3.03	3.05
8	Vĩnh Gia	Vĩnh Tế	2.00	2.40	2.80	Max	1.53	0.40	1.40	1.56	1.60	1.63	1.66	1.68
						Min	1.50	0.35	1.24	1.53	1.56	1.59	1.62	1.65
9	Tri Tôn	Tri Tôn	2.00	2.40	2.80	Max	1.93	0.82	1.68	1.98	2.01	2.03	2.05	2.07
						Min	1.89	0.59	1.64	1.94	1.98	2.00	2.02	2.04
10	Cô Tô	Tri Tôn	1.40	1.80	2.20	Max	1.69	0.86	1.28	1.73	1.75	1.79	1.83	1.85
						Min	1.64	0.72	1.25	1.68	1.72	1.76	1.80	1.82
11	Lò Gạch	Tám Ngàn	1.70	2.10	2.50	Max	1.46	0.44	1.33	1.50	1.54	1.56	1.58	1.59
						Min	1.42	0.38	1.27	1.45	1.51	1.53	1.55	1.56
12	Vọng Thê	Ba Thê	1.40	1.80	2.20	Max	1.75	0.96	1.26	1.78	1.82	1.85	1.88	1.90
						Min	1.63	0.80	1.23	1.71	1.79	1.82	1.85	1.87
13	Vĩnh Hanh	Núi Chóc Năng Gù	1.90	2.30	2.70	Max	2.38	1.38	1.91	2.42	2.45	2.48	2.51	2.52
						Min	2.22	0.71	1.32	2.30	2.35	2.38	2.41	2.42
14	Núi Sập	Rạch Giá Long Xuyên	1.40	1.80	2.20	Max	1.77	0.99	1.40	1.80	1.84	1.87	1.90	1.92
						Min	1.55	0.64	2.02	1.66	1.71	1.75	1.77	1.79

3. Cảnh báo (nếu có):

Trên sông Hậu tại Khánh An, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức BĐI đến dưới BĐII từ 0.10-0.25m; **Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 1.** Trên sông Hậu tại Long Xuyên, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức trên BĐIII từ 0.15-0.25m; **Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 2.** Trên rạch Ông Chường tại Chợ Mới, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức dưới BĐIII 0.05m đến trên BĐIII 0.05; **Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 2.** Trên sông Vàm Nao tại Vàm Nao, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức trên BĐII từ 0.05-0.20m; **Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 2.** Trên kênh Vĩnh Tế tại Xuân Tô, trên kênh Tri Tôn tại Tri Tôn, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức trên BĐI từ 0.05-0.10m; **Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 1.** Trên kênh Tri Tôn tại Cô Tô, trên kênh Ba Thê tại Vọng Thê, trên kênh Rạch Giá Long Xuyên tại Núi Sập và trên kênh Núi Chóc Năng Gù tại Vĩnh Hanh, mực nước cao nhất ngày có khả năng ở mức BĐI đến trên BĐII từ 0.05-0.20m; **Cấp độ rủi ro thiên tai do lũ, ngập lụt: Cấp 2.**

4. Ghi chú:

- Thông tin dự báo được đăng trên website: <http://kttv.angiang.gov.vn/du-bao-thuy-van>

Tin phát lúc 11h00 ngày 09/10/2022

Duyệt bản tin: Lưu Văn Ninh

Dự báo viên: Phan Minh Đạt

Huỳnh Nguyễn Khánh Loan

351	358	361	363	365	362	3.65
316	325	328	331	330	327	3.25
288	295	298	300	302	298	3.02
211	223	227	230	228	225	2.23
448	452	455	457	459	456	4.59
443	448	451	453	452	449	4.48
316	320	323	325	327	324	3.27
275	285	288	291	289	286	2.85
266	267	270	273	275	271	2.75
153	167	172	175	173	170	1.67
295	303	306	308	310	307	3.10
226	238	242	245	243	240	2.38
292	298	302	305	308	310	3.10
287	294	297	300	303	305	2.94
153	156	160	163	166	168	1.68
150	153	156	159	162	165	1.53
193	198	201	203	205	207	2.07
189	194	198	200	202	204	1.94
169	173	175	179	183	185	1.85
164	168	172	176	180	182	1.68
146	150	154	156	158	159	1.59
142	145	151	153	155	156	1.45
175	178	182	185	188	190	1.90
163	171	179	182	185	187	1.71
238	242	245	248	251	252	2.52
222	230	235	238	241	242	2.30
177	180	184	187	190	192	1.92
155	166	171	175	177	179	1.66

354	358	361	363	365
316	319	322	322	320
286	291	294	296	298
211	215	219	217	213
449	453	456	458	460
443	446	449	451	453
317	321	324	326	328
275	278	281	281	279

266	271	274	276	278				
153	157	161	157	152				
296	301	304	306	308				
226	230	234	232	228				
290	295	299	302	304				
285	290	294	297	299				
155	160	167	170	172				
153	158	165	168	170				
192	195	197	199	201				
189	192	194	196	198				
169	172	174	178	180				
166	169	171	175	177				
147	152	157	159	160				
144	149	154	156	157				
176	181	185	188	190				
161	178	182	185	187				
235	241	244	247	248				
220	231	234	237	238				
177	182	186	189	191				
164	170	175	179	181				
Tân Châu	Chợ Mới		Khánh An		Châu Đốc		Long Xuyên	
354	316	286	211	449	443	317	275	266
358	319	291	215	453	446	321	278	271
361	322	294	219	456	449	324	281	274
363	322	296	217	458	451	326	281	276
365	320	298	213	460	453	328	279	278

Trạm Ngày	Tân Châu		Châu Đốc		Chợ Mới		Long Xuyên	
	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin
09/10	354	316	317	275	286	211	266	153
10/10	358	319	321	278	291	215	271	157
11/10	361	322	324	281	294	219	274	161
12/10	363	322	326	281	296	217	276	157
13/10	365	320	328	279	298	213	278	152

Xuyên	Vàm Nao		Xuân Tô		Vĩnh Gia		Tri Tôn		Cô Tô	
153	296	226	290	285	155	153	192	189	169	166
157	301	230	295	290	160	158	195	192	172	169
161	304	234	299	294	167	165	197	194	174	171
157	306	232	302	297	170	168	199	196	178	175
152	308	228	304	299	172	170	201	198	180	177

Xuân Tô		Tri Tôn		Vàm Nao		Khánh An		Vĩnh Gia		Lò C
Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax
290	285	192	189	296	226	449	443	155	153	147
295	290	195	192	301	230	453	446	160	158	152
299	294	197	194	304	234	456	449	167	165	157
302	297	199	196	306	232	458	451	170	168	159
304	299	201	198	308	228	460	453	172	170	160

Lò Gạch		Vọng Thê		Vĩnh Hanh		Núi Sập	
147	144	176	161	235	220	177	164
152	149	181	178	241	231	182	170
157	154	185	182	244	234	186	175
159	156	188	185	247	237	189	179
160	157	190	187	248	238	191	181

Gạch	Cô Tô		Vọng Thê		Vĩnh Hanh		Núi Sập	
	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax	Hmin	Hmax
144	169	166	176	161	235	220	177	164
149	172	169	181	178	241	231	182	170
154	174	171	185	182	244	234	186	175
156	178	175	188	185	247	237	189	179
157	180	177	190	187	248	238	191	181